

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2024/QĐST-HNGĐ

Quảng Trách, ngày 22 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Võ Ngọc Thục

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trách, tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trách, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp: Ông Phạm Văn Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trách, tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-VDS ngày 14 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

+ Anh Đặng Văn Đ; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị P; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 22/7/2024, bản tự khai người yêu cầu anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P trình bày và yêu cầu như sau: Anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 14/4/2014. Thời điểm đăng ký kết hôn, chị Nguyễn Thị P dựa theo sổ hộ khẩu gia đình cũ, trong sổ hộ khẩu ghi ngày sinh của chị Nguyễn Thị P là 09/11/1996 để khai cho cán bộ tư pháp xã Q thực hiện việc đăng ký kết hôn là sinh ngày 09/11/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P có với nhau 01 con chung tên là Đặng Thị Linh Đ, sinh ngày 24/01/2015.

Đến năm 2017, gia đình chị Nguyễn Thị P phát hiện ngày tháng năm sinh của chị P ở sổ hộ khẩu là sai lệch so với giấy khai sinh. Do đó, gia đình chị P đã đi cải chính năm sinh từ năm 1996 thành năm 1997. Như vậy, thời điểm đăng ký hôn năm 2014, chị Nguyễn Thị P chưa đủ tuổi kết hôn. Anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của vợ chồng theo giấy chứng nhận kết hôn số 50/2014 ngày 14/4/2014 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và yêu cầu công nhận quan hệ vợ chồng của anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P kể từ thời điểm chị Nguyễn Thị P đủ tuổi kết hôn.

Kiểm sát viên tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán giải quyết việc dân sự và Thư ký phiên họp đã tuân theo pháp luật tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Về việc giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 367, 369, 370, 371 và 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 149, 367, 369, 370, 371 và 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 và Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 8 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P theo giấy chứng nhận kết hôn số 50/2014 ngày 14/4/2014 của UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P kể từ ngày 11/11/2015. Buộc anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P phải chịu tiền lệ phí để nộp sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ vợ chồng. Vì vậy, xác định đây là việc hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch theo khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Căn cứ lời khai, trình bày của người yêu cầu thấy rằng: Anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P đăng ký

kết hôn ngày 14/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Tại giấy chứng nhận kết hôn số 50/2014 ngày 14/4/2014 thể hiện, họ và tên chồng là Đặng Văn Đ, sinh ngày 13/7/1993; họ và tên vợ là Nguyễn Thị P, sinh ngày 09/11/1996. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ như giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, căn cước công dân và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định, chị P tên đầy đủ là Nguyễn Thị P, sinh ngày 10/11/1997. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 14/4/2014 thì chị P chưa đủ tuổi kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Do vậy, anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật là hoàn toàn có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về việc công nhận quan hệ vợ chồng: Do thiếu sót, nhầm lẫn trong việc kê khai thông tin, cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn dẫn đến khi đăng ký kết hôn thì chị P chưa đủ tuổi kết hôn, đã vi phạm điều kiện kết hôn và phải hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P. Tuy nhiên, anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P đều xác định, giữa hai anh chị tìm hiểu và đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc và đã có một con chung. Do vậy, anh Đ, chị P đều yêu cầu được công nhận quan hệ vợ chồng khi chị P đủ tuổi kết hôn. Xét thấy, yêu cầu, đề nghị của anh Đ và chị P là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, có căn cứ được chấp nhận. Tại thời điểm ngày 11/11/2015, chị Nguyễn Thị P đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do vậy, công nhận quan hệ vợ chồng hợp pháp giữa anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P kể từ thời điểm chị Nguyễn Thị P đủ điều kiện kết hôn ngày 11/11/2015.

[4] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên họp về hướng giải quyết việc dân sự là phù hợp với nhận định, quy định của pháp luật.

[5] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định đề sung vào ngân sách nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 149, 367, 369, 370, 371 và 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 và Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 8 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P.

1.1. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P theo giấy chứng nhận kết hôn số 50/2014 ngày 14/4/2014 của UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

1.2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P kể từ ngày 11/11/2015.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Đặng Văn Đ và chị Nguyễn Thị P chịu 300.000 đồng tiền lệ phí để nộp sung ngân sách nhà nước. Số tiền lệ phí anh Đ, chị P phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu số 0002131, ngày 23 tháng 7 năm 2024.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực